

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN  
(Dành cho sinh ngành CNTT)**

**1. Thông tin chung về học phần**

**Tên học phần:**

Tiếng Việt: **Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

Tiếng Anh: **Marxist-Leninist political economy**

Mã học phần: **DCB0312**

- Số tín chỉ: 2

| Hoạt động trên lớp                            |                               |                                     | Hoạt động khác  |
|---|-------------------------------|-------------------------------------|---|
| Lí thuyết<br>(LT)                             | Bài tập, Kiểm tra<br>(BT, KT) | Thảo luận,<br>Thực hành<br>(TL, TH) | <i>(tự học, nghiên cứu,<br/>trải nghiệm, kiểm<br/>tra, đánh giá...)</i> |
| 18  | 12 (10 BT, 2KT)               | 6                                   | <b>64 tiết</b>  |
| <b>36 tiết</b><br>Bao gồm: 36 tiết trực tiếp. |                               |                                     |   |

(01 giờ chuẩn = 1 tiết LT, KT hoặc 2 tiết Bài tập, Thực hành, Thảo luận trên lớp)

**Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Viện Lý luận cơ bản, Bộ môn Lý luận chính trị**

**Giảng viên phụ trách chính học phần:**

- Tên: TS. Nguyễn Văn Sanh

- Chức danh: Viện trưởng viện Lý luận cơ bản; Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị

- Thông tin liên hệ: 0913587494; gmail: [sanhtcnh@gmail.com](mailto:sanhtcnh@gmail.com)

**2. Các môn học tiên quyết: Không có**

**3. Mục tiêu của học phần:**

**3.1. Mục tiêu chung:** Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về kinh tế chính trị Mác-Lênin;

**3.2. Mục tiêu cụ thể:**

Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.

Về kỹ năng: Qua nghiên cứu môn học này, sinh viên có khả năng hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá, nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

Về thái độ: Giúp sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị, có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

##### 4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên:

**CLO 01:** Nhớ được các khái niệm, nội dung cơ bản của hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

**CLO 02:** Giải thích được quan hệ sản xuất trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng nhằm tìm ra bản chất của các hiện tượng và quá trình kinh tế, phát hiện ra các phạm trù, quy luật kinh tế ở các giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người.

**CLO 03:** Vận dụng được kiến thức, sự hiểu biết về Kinh tế chính trị Mác-Lênin để nâng cao trình độ lý luận, nắm rõ được bản chất, hiện tượng của các quá trình kinh tế để có cơ sở giải quyết các mối quan hệ liên quan đến học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lenin.

**CLO 04:** Môn học có khả năng giúp sinh viên nhận thức được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế của đời sống xã hội, tìm ra các quy luật chi phối sự vận động của chúng, giúp con người vận dụng các quy luật kinh tế một cách có ý thức vào hoạt động kinh tế nhằm đạt hiệu quả kinh tế, xã hội cao.

**CLO 05:** Đánh giá được kiến thức của học phần từ đó hình thành được quan điểm riêng của mình đối với các vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, có cái nhìn đúng đắn về các sự kiện kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.

**CLO 06:** Có niềm tin khoa học, nâng cao tính thiết thực đối với việc thực hành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tại nhà trường.

##### 4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

[ Ghi chú: Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

*L (low) – CLO có đóng góp ít vào PLO*

*M (medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO*

*H (high) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO*

*Chú thích: H – cao; M – vừa; L – thấp – phù thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, (mức M) hay mức thuần thực, thành thạo (H)). Xem chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo khi xây dựng bảng này]*

|       | <b>PLO 1.3</b> | <b>PLO 3.1</b> |
|-------|----------------|----------------|
| CLO 1 | H              | M              |
| CLO 2 | H              | M              |
| CLO 3 | H              | M              |
| CLO 4 | H              | M              |
| CLO5  | H              | M              |
| CLO 6 | H              | M              |

**4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

| Hình thức đánh giá  | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Chuyên cần</b> (tham gia đủ 100% số buổi)  | H     |       | M     |       | H     |       |
| <b>Hoạt động cá nhân tại lớp</b> (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của gv)   | M     |       | H     | M     | M     | M     |
| <b>Hoạt động cá nhân tại nhà</b> (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)  | M     | H     | M     | M     | H     | M     |
| <b>Hoạt động nhóm</b> (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp) | H     | M     | H     | M     | M     | M     |
| <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>   | H     | M     | M     | M     | H     | M     |
| <b>Kiểm tra cuối kỳ</b> (tự luận, trắc nghiệm)  | H     | M     | H     | M     | M     | M     |

**4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

|  | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|--|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Dạy học nhóm</b>  | H     | H     | M     | H     | M     | M     |
| <b>Nghiên cứu tình huống điển hình</b><br>(Case study)                           |       | M     | H     | H     | H     | H     |
| <b>Nêu và giải quyết vấn đề</b>  |       | M     | H     | M     | M     | M     |
| <b>Sử dụng công nghệ trong dạy học</b> (máy móc, mạng online, phần mềm ứng dụng) | H     | H     | M     | H     | H     | H     |

**4.5. Ma trận nhất quán các bài học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

Chú thích: I: Introduction/ Giới thiệu

P: Proficient/ Thuần thục, đủ

A: Advanced/ Nâng cao

|               | CLO 1 | CLO 2 | CLO 3 | CLO 4 | CLO 5 | CLO 6 |
|---------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| <b>Bài 1.</b> | I     | P     |       |       |       |       |

|               |   |   |   |   |   |   |
|---------------|---|---|---|---|---|---|
| <b>Bài 2.</b> | I | A |   |   |   |   |
| <b>Bài 3.</b> |   | A | P |   |   |   |
| <b>Bài 4.</b> |   | P | I |   |   |   |
| <b>Bài 5.</b> |   | I | A | A |   |   |
| <b>Bài 6</b>  |   |   | I | I |   |   |
| <b>Bài 7</b>  |   |   | A | I |   |   |
| <b>Bài 8</b>  |   |   |   |   | P | I |
| <b>Bài 9</b>  |   |   |   |   | A | I |
| <b>Bài 10</b> |   |   |   |   | P | P |

## 5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia một bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

## 6. Học liệu:

### 6.1. Tài liệu bắt buộc:

- Giáo trình
- Slides bài giảng của giảng viên

### 6.2. Tài liệu tham khảo:

- 1) Giáo trình Triết học Mác-Lênin (cho hệ thống không chuyên lý luận chính trị). Hà Nội, 2019.
- 2) Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin dành cho bậc đại học không chuyên kinh tế chính trị.
- 3) Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

## 7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

**Chương I:** Trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin.

**Chương II:** Trình bày những nội dung cơ bản của hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường, gồm các vấn đề: Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá; thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

**Chương III:** Giá trị thặng dư của nền kinh tế thị trường, gồm các vấn đề: Lý luận của Mác về giá trị thặng dư; Tích lũy tư bản; các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.

**Chương IV:** Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, gồm các vấn đề: Quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

**Chương V:** Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, gồm các vấn đề: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

**Chương VI:** Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, gồm các vấn đề: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam; Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**8. Kế hoạch giảng dạy:**

| Bài          | Nội dung giảng dạy   | Số tiết                        |                  | CLO            | Nhiệm vụ của sinh viên  |
|--------------|--|--------------------------------|------------------|----------------|---|
|              |  | LT, KT                         | BT, TL           |                |   |
| <b>Bài 1</b> | Chương I. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin.<br>Chương II. Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.<br>I. Lý luận của Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá. | 2 lý thuyết                    | 2 thảo luận      | CLO 1<br>CLO 2 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV<br>(6 tiết) |
| <b>Bài 2</b> | Chương II. (tiếp)<br>II. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.  | 2 lý thuyết                    | 1 thảo luận      | CLO 1<br>CLO 2 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)    |
| <b>Bài 3</b> | Chương III. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường<br>I. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư.   | 2 lý thuyết                    | 2 thảo luận      | CLO 2<br>CLO 3 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)    |
| <b>Bài 4</b> | Chương III (Tiếp)<br>II. Tích lũy tư bản<br>III. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.  | 2 lý thuyết                    | 1 thảo luận      | CLO 2<br>CLO 3 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)    |
| <b>Bài 5</b> | Chương IV. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường<br>I. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.<br>II. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường.                        | 1 lý thuyết<br>3 tiết kiểm tra | 1 tiết thảo luận | CLO 3<br>CLO 4 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)    |
| <b>Bài 6</b> | Chương V. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.  | 2 lý thuyết                    | 1 thảo luận      | CLO 3<br>CLO 4 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn                    |

| Bài           | Nội dung giảng dạy   | Số tiết                        |                  | CLO            | Nhiệm vụ của sinh viên  |
|---------------|--|--------------------------------|------------------|----------------|---|
|               |  | LT, KT                         | BT, TL           |                |   |
|               | I. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH<br>II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH  |                                |                  |                | của GV (6 tiết)   |
| <b>Bài 7</b>  | Chương V. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam<br>I. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.<br>II. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. | 2 lý thuyết                    | 1 thảo luận      | CLO 4<br>CLO 5 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)  |
| <b>Bài 8</b>  | Chương V (tiếp)<br>III. Các quan hệ kinh tế ở Việt Nam   | 2 lý thuyết                    | 1 thảo luận      | CLO 4<br>CLO 5 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)  |
| <b>Bài 9</b>  | Chương VI. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam<br>I. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam   | 2 lý thuyết                    | 1 thảo luận      | CLO 5<br>CLO 6 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (6 tiết)  |
| <b>Bài 10</b> | Chương VI (tiếp)<br>II. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.   | 1 lý thuyết<br>3 tiết kiểm tra | 1 tiết thảo luận | CLO 5<br>CLO 6 | Nghiên cứu giáo trình, tài liệu và chuẩn bị câu hỏi thảo luận theo hướng dẫn của GV (10 tiết) |
|               | <b>Tổng cộng</b>   | <b>20</b>                      | <b>16</b>        |                | <b>64</b>   |

### 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường:

- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): Máy chiếu, màn hình chiếu, máy tính, bảng, phấn ...

### 10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

#### 10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá

Kết quả đánh giá học phần dựa trên đánh giá các hoạt động của sinh viên trong suốt quá trình học, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần thể hiện thông qua bài đánh giá; chuẩn đầu ra học phần được đánh giá; tiêu chí, tiêu chuẩn và trọng số của các đánh giá.

| Thành phần đánh giá    | Bài đánh giá   | CĐR học phần       | Tiêu chí đánh giá  | Chuẩn đánh giá | Trọng số (%) |
|------------------------|--|--------------------|--|----------------|--------------|
| A1. Đánh giá quá trình | A1.1: Chuẩn bị bài ở nhà                             | CLO 01, 07         | Trả lời được các câu hỏi của giảng viên.                   | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A1.2: Thái độ học tập, làm việc nhóm                 | CLO 02, 03, 06     | Tham gia đầy đủ các bài thảo luận                          | Thang điểm 10  | 20           |
| A2. Đánh giá cuối kỳ   | A2.1: Các bài báo cáo cá nhân                        | CLO 04, 05         | Viết tay; đánh máy, trình bày chi tiết, rõ ràng, chính xác | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A2.2: Thuyết trình kết quả thí nghiệm (báo cáo nhóm) | CLO 04, 05         | Báo cáo thuyết trình bằng file powerpoint                  | Thang điểm 10  | 20           |
|                        | A2.3: Bài thi tự luận                                | CLO 01, 02, 05, 06 | 3 câu/10 điểm  | Thang điểm 10  | 20           |

## 10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

Bài tập 1: Phân tích quan điểm và những giải pháp để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

### Mô tả chi tiết

Lớp được chia thành các nhóm từ 5 bạn trở lên

#### **Trước bài thảo luận mỗi nhóm cần:**

- (1) nghiên cứu kỹ đề tài thảo luận được cho trước
- (2) nhóm trưởng phân công các thành viên đọc các tài liệu được GV hướng dẫn và phân công thành viên ghi chép, thu thập tài liệu.
- (3) mỗi nhóm trình bày (bằng màn hình chiếu hoặc nói xuống, một người đại diện hoặc kết hợp các thành viên...) trước lớp khoảng 10 phút.
- (4) Trả lời câu hỏi, phản biện lại ý kiến của các nhóm khác.
- (5) Nghe giảng viên bộ môn nhận xét.

#### **Trong mỗi giờ học, giáo viên sẽ:**

- (1) lựa chọn một hoặc nhiều hơn các đề tài thảo luận.
- (2) gọi một hay hai nhóm **bất kỳ** lên trình bày về nội dung của đề tài được lựa chọn.
- (3) khuyến khích các bạn nhóm khác đặt câu hỏi về đề tài thảo luận
- (4) tóm tắt nội dung chính đã được trình bày và giải thích những phần kiến thức sinh viên hiểu sai hoặc còn thiếu sót.
- (5) nhấn mạnh các nội dung phân bài và các hoạt động nhằm giúp sinh viên hiểu đúng hơn, sâu hơn về nội dung buổi học.
- (6) Sau mỗi buổi thảo luận, **tất cả** các nhóm cần nộp lại sản phẩm đã chuẩn bị (kể cả nhóm không trình bày).

Giáo viên chấm điểm bài summary và trình bày của nhóm dựa vào tiêu chí chấm và thang đo dưới đây. Nếu nhóm trình bày nhiều hơn 1 lần trong khoá học thì lấy điểm trung bình.

**Tiêu chí đánh giá (Rubrics)**

| <b>Tiêu chí</b>   | <b>Yếu (dưới 5 điểm)</b>  | <b>Trung bình (5-6 điểm)</b>   | <b>Khá (7-8 điểm)</b>   | <b>Giỏi (9-10 điểm)</b>  |
|---|---|--|---|--|
| <b>(1) Nhận diện được các ý chính của bài thảo luận<br/>25%</b> | Bài trình bày thể hiện việc người học không nắm được nội dung bài, lạc đề, không đưa ra được các ý chính về bài thuyết trình.                     | Bài trình bày thể hiện việc người học chỉ hiểu một phần nhỏ nội dung chủ đề vì chỉ nhắc tới một vài ý chính của bài thuyết trình tương ứng với mục tiêu được giao.                         | Bài trình bày thể hiện việc người học hiểu khá tốt nội dung đề bài vì người học nói đúng nội dung, súc tích, đầy đủ.  | Bài trình bày thể hiện việc người học chuẩn bị nội dung phong phú, đúng với chủ đề, trình bày rõ ràng, đầy đủ.   |
| <b>(2) Mức độ đạt được mục tiêu được giao<br/>25%</b>           | Nội dung không liên quan đến chủ đề thảo luận được giao.  | Nội dung nhắc đến một phần mục tiêu của đề bài.  | Nội dung trình bày tương đối đầy đủ các mục tiêu của chủ đề thảo luận.  | Nội dung giúp người học thực hiện hoá được hết (các) mục tiêu chủ đề được giao.  |
| <b>(3) Tính rõ ràng<br/>20%</b>                                 | Có rất ít sự liên kết giữa các nội dung được trình bày. Thông tin đưa ra thường không liên quan đến ý cần nói. Nội dung thiếu thông tin chi tiết. | Có thể nhìn thấy tính liên kết giữa các nội dung được trình bày tuy chưa hoàn toàn rõ ràng. Thông tin đưa ra phần lớn có liên quan đến ý cần nói. Nội dung có kèm theo thông tin chi tiết. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày khá rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. | Liên kết giữa các nội dung được trình bày rõ ràng. Thông tin đưa ra liên quan đến ý cần nói. Nội dung được bố cục chặt chẽ và phát triển đầy đủ kèm theo thông tin chi tiết phù hợp. |
| <b>(4) khả năng làm việc nhóm,<br/>10%</b>                      | Rời rạc, không có liên kết, chuẩn bị nội dung sơ sài.   | 2/3 số thành viên tham gia đóng góp bài thuyết trình, nhưng các thành viên ít tương tác, sản phẩm không được phong phú về hình ảnh, nội dung.  | Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú.   | Các thành viên tham gia đầy đủ, nội dung phong phú, các thành viên hỗ trợ nhau phản biện, trình bày sinh động, có sử dụng công nghệ.   |
| <b>(5) Người thuyết trình<br/>10%</b>                           | Người trình bày nói không rõ ràng và ngập ngừng nhiều (dài). Không mạch lạc, nói vấp, nói   | Người trình bày nói chậm, không có ngữ điệu.   | Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải.   | Người thuyết trình nói to, rõ ràng, có tiết tấu, tốc độ vừa phải, kết hợp các thành viên cùng tham gia thuyết  |

|   |   |  |  |   |
|---|---|--|--|---|
|   | sai.  |  |  | trình, có tương tác với người nghe.   |
| <b>(6) Trả lời câu hỏi của khán giả</b><br><b>10%</b> | Không trả lời được câu hỏi nào từ bạn/ giáo viên. | Không trả lời được một số câu hỏi hoặc thể hiện sự khó khăn và còn thiếu kiến thức về chủ đề được hỏi. | Hầu hết các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết khá tốt về chủ đề được hỏi. | Tất cả các câu hỏi được trả lời và thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề được hỏi. |

**Chú ý:** Giảng viên có thể linh hoạt theo từng lớp.

- Nếu có thời gian và trình độ chung về THT của lớp tốt, giáo viên có thể yêu cầu SV thuyết trình, dùng 2 tiêu chí cuối.

- Nếu lớp có trình độ chung về THT chưa tốt lắm, và sinh viên cần nhiều hỗ trợ của giáo viên hơn về mặt nội dung, thì giáo viên có thể không yêu cầu SV thuyết trình mà chỉ chuẩn bị bài như yêu cầu. Thời gian còn lại dùng cho các hoạt động thảo luận. Như vậy 2 tiêu chí dưới cùng không dùng, và 20% điểm đó có thể được cộng vào tiêu chí 3 và 4.

Bài tập 02: Kiểm tra viết (tự luận)

Câu hỏi dự kiến:

- 1) Trình bày những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam?
- 2) Phân tích tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?

### **Mô tả chi tiết**

Sinh viên làm việc độc lập:

(1) Sinh viên sẽ được đánh số báo danh và phát đề chặn-lẻ. Điểm bài viết của sinh viên sẽ được cộng với điểm tham gia thảo luận, điểm kiểm tra miệng sau đó chia trung bình và được tính là điểm kiểm tra định kỳ.

(2) các bài viết này thể hiện các hoạt động học tập sinh viên đã thực hiện và khả năng áp dụng những gì đã được học.

#### **Tiêu chí đánh giá bài viết**

| <b>Thang điểm</b> | <b>Nội dung bài viết</b>   | <b>Tính mạch lạc và liên kết văn bản</b>             | <b>Hiệu ứng đối với người đọc</b>         |
|-------------------|--|--|---|
| <b>9- 10</b>      | Nội dung đầy đủ và xuất sắc yêu cầu bài viết<br>Đề cập được các ý chính và mở rộng được ý bằng các ví dụ | Bố cục rõ ràng, văn phong mạch lạc.                  | Tạo ấn tượng tốt với người đọc            |
| <b>7- 8</b>       | Thực hiện đầy đủ yêu cầu bài viết<br>Trả lời đủ các ý theo yêu cầu bài viết                              | Nhìn chung bài có bố cục rõ ràng, văn phong phù hợp. | Tạo ấn tượng tích cực đối với người đọc.  |
| <b>5- 6</b>       | Thực hiện được một số các yêu cầu bài viết   | Bố cục bài viết chưa thực sự tốt, câu cú             | Tạo ấn tượng thỏa đáng đối với người đọc. |

|            |  |   |   |
|------------|--|---|---|
|            | Có đủ các ý chính tuy có thể thêm một vài ý nhỏ khác   | còn đôi chỗ lủng củng.  |   |
| <b>3-4</b> | Thực hiện chưa đầy đủ yêu cầu bài viết<br>Thiếu một số ý cơ bản trong bài viết<br>hoặc ý không phù hợp     | Bố cục không rõ ràng, văn phong viết không phù hợp.   | Tạo ấn tượng chưa tốt đối với người đọc.  |
| <b>1-2</b> | Bài thiếu ý, ý không phù hợp hoặc do hiểu sai yêu cầu bài viết   | Bố cục không rõ ràng gây khó hiểu hoặc không truyền đạt được thông tin.<br>Viết không đúng văn phong. | Tạo ấn tượng không tốt đối với người đọc. |
| <b>0</b>   | Không đạt được yêu cầu nào. Viết được dưới 25% số từ được yêu cầu hoặc bài viết không phù hợp về nội dung. |   |   |

### 10.3. Lịch làm và nộp bài tập

| Bài tập           | Lịch nộp                              |
|-------------------|---------------------------------------|
| Bài thảo luận     | Hàng tuần theo yêu cầu của giảng viên |
| Bài kiểm tra viết | Tuần 5 (giáo viên quyết định)         |

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2023

**Hiệu trưởng**

**Viện trưởng**

**Trưởng bộ môn**

**Người soạn thảo**

PGS. TS. Phạm Ngọc Ánh

TS. Nguyễn Văn Sanh

TS. Nguyễn Văn Sanh

TS. Nguyễn Văn Sanh